TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 156/2018/DS-PT
Ngày: 05-10-2018
V/v Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tư

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Mới

Ông Nguyễn Hữu Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Ni – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Lữ Thị Tuyết Lan - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2018/TLPT-DS ngày 02 tháng 8 năm 2018 về việc: "Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2018/DS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Z, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 233/2018/QĐ-PT ngày 30 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*:

1.1 Bà Lê Thị A, sinh năm 1950 (Vắng mặt).

1.2 Bà Lê Thị Ngọc B, sinh năm 1955(Có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp X 1, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bà Lê Thị A có bà Nguyễn Thị Mỹ C, sinh năm 1978 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp X 1, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long. Là người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị A (Theo văn bản ủy quyền ngày 05/10/2018).

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn D, sinh năm 1963 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp X2, xã Y2, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người có quyền B và nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Lê Thị Tuyết E, sinh năm 1958 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 4/10, khu 5, thị trấn Z, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long.

3.2 Bà Nguyễn Thị F, sinh năm 1953 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp X2, xã Y2, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long.

3.3 Anh Lê Văn G, sinh năm 1990 (Có mặt).

3.4 Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1990 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp X 1, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long.

3.5 Ủy ban nhân dân huyện Z (Vắng mặt)

4. Do có kháng cáo của: Bà Lê Thị A, bà Lê Thị Ngọc B – Là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 10/4/2017, đơn khởi kiện bổ sung các ngày 01/7/2017, ngày 30/7/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Lê Thị A, Lê Thị Ngọc B trình bày*: Bà A, bà B, ông D và bà E là con của cụ Lê Tấn L (sinh năm 1921, mất ngày 04/9/1958) và cụ Bùi Thị M (sinh năm 1928, mất ngày 18/3/1988). Phần đất tranh chấp thuộc chiết thửa 313-1 diện tích 59,1m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp X 1, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long có nguồn gốc là phần đất mương diện tích khoảng 60m^2 thuộc thửa 262 do cụ Bùi Thị M chết để lại. Đây là phần đất dư so với diện tích cụ M chuyển nhượng cho ông N và được ông N trả lại do bà A, bà B, ông D có đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp được Ban nhân dân ấp Hòa giải thành vào năm 2003. Tuy nhiên, ông D đã tự ý đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mặc dù đã có tranh chấp vào năm 2011 và bà A không ký tên giáp cận. Nay bà A, bà B yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật làm 04 phần đối với phần đất thuộc chiết thửa 313-1 diện tích 59,1m^2, bà A, bà B yêu cầu nhận 03 phần để dùng vào việc chôn cất cha mẹ sau khi di dời mộ phần từ nơi khác đến. Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông D vào năm 2015 thuộc thửa 313, diện tích 738,2m^2.

**Tại các bản tự khai ngày 25/5/2017, ngày 09/6/2017, ngày 12/10/2017, ngày 12/3/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Lê Văn D trình bày*: Ông D thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về mối

quan hệ anh, chị em giữa bà A, bà B, bà E và ông D và thời điểm cha, mẹ chết như nguyên đơn trình bày nhưng không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì nguồn gốc phần đất tranh chấp là phần đất vườn thuộc thửa 183, diện tích 1.430m^2 được mẹ là cụ Bùi Thị M cho vào năm 1977 và ông D đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1993 sử dụng ổn định cho đến nay, nhưng vào năm 1988, cụ M bán cho ông N phần đất liền kề đất của ông D, có đo lấn qua khoảng 60m^2. Đến năm 2003, ông D tranh chấp đòi lại phần đất này với bà T (vợ ông N) và được ban nhân dân ấp hòa giải ngày 19/7/2003, ông D đồng ý nhận lại một nửa phần mương, diện tích thực tế theo đo đạc 59,1m^2 là trả riêng cho ông D chứ không phải trả chung cho các con của cụ M, Ngoài ra, khi hòa giải ở xã, bà E cũng thừa nhận là phần đất của ông D. Hiện trạng phần đất được cấp, khi đo đạc lại đất theo chương trình VLAP, ông D tiếp tục kê khai đăng ký thành thửa 313, diện tích 768,2m^2 và cho con là Lê Văn G phần đất thửa 314, diện tích 648,9m^2.

** Tại bản tự khai ngày 31/7/2017, ngày 30/10/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền B, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị Tuyết E trình bày*: Thống nhất theo ý kiến của các nguyên đơn, không có yêu cầu độc lập trong vụ án. Trong trường hợp, Tòa án chấp nhận chia thừa kế theo pháp luật thì phần của bà E giao lại cho bà Lê Thị Ngọc B.

** Tại biên bản ngày 16/5/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền B, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị F trình bày*: Thống nhất với lời trình bày ông Lê Văn D, không có yêu cầu độc lập trong vụ án và tham gia tố tụng về phía bị đơn.

** Tại bản tự khai ngày 17/4/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền B, nghĩa vụ liên quan là anh Lê Văn G trình bày*: Năm 2012, được cha là ông Lê Văn D cho phần đất thuộc thửa 313 và đã cất nhà ở trên đất. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì anh không đồng ý toàn bộ.

** Tại văn bản ngày 16/4/2018, chị Nguyễn Thị Ngọc H ủy quyền cho chồng là anh Lê Văn G tham gia tố tụng.*

** Tại Công văn số 1932/UBND-NC ngày 26/10/2017 và công văn số 667/UBND-NC ngày 20/4/2018, Ủy ban nhân dân huyện Z xác định*:

1.Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 106315, số vào sổ CH 10252 ngày 08/5/2015 cho ông Lê Văn D thuộc trường hợp cấp đổi đo tách thửa là đúng đối tượng, đầy đủ thủ tục, nhưng trình tự chưa đảm bảo do chưa xác định đầy đủ chủ sử dụng đất giáp cận (giáp cận thửa đất số 262 do bà Lê Thị A đứng tên, nhưng bà A không có ký tên giáp cận, mà ông O ký tên).

2. Về tư liệu địa chính qua các thời kỳ đo đạc:

Theo tư liệu 299/TTg (1980-1982), phần đất tranh chấp thuộc thửa 218, diện tích 1.540m^2, loại đất thổ quả, tên được ghi nhận vào sổ bộ địa chính là Lê Văn D.

Theo Chương trình đất (1990-1994), thuộc thửa 183 (thửa mới 157), diện tích 1.430m^2, loại đất thổ quả do ông Lê Văn D được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B722260 ngày 02/9/1993.

Theo tư liệu VLAP, thuộc thửa số 183 (thửa mới 157) đo bao với thửa số 137 (thửa mới 120) diện tích 1.820m^2, loại đất thổ quả do bà Lê Thị A đứng tên cùng tờ bản đồ số 4 thành thửa số 262, tờ bản đồ số 14, diện tích 2.831,3m^2, loại đất ONT – CLN, ghi nhận cho ông Lê Văn D (ông D không đăng ký và không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất).

Năm 2015, ông Lê Văn D lập thủ tục tách thửa 183, tờ bản đồ số 4 (tách ra từ thửa 262, tờ bản đồ số 14 theo VLAP) thành 02 thửa mới, gồm: thửa 313, diện tích 738,2m^2, loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm, số phát hành giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 106315, số vào sổ CH10252 do UBND huyện Z ký cấp ngày 08/5/2015 và thửa 314, diện tích 648,9m^2 đã tặng cho Lê Văn G.

Phần còn lại của thửa 262, tờ bản đồ số 14, diện tích 1.432,1m^2 (thửa số 137 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa mới 120, diện tích 1.820m^2, loại đất TV do bà Lê Thị A đứng tên). Theo bản đồ VLAP ghi nhận tên ông O, không rõ năm sinh, cư ngụ ấp X 1, xã Y (ông O không đăng ký và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với phần đất còn lại của thửa 262, tờ bản đồ số 14, diện tích 1.432,1m^2).

3. Việc UBND huyện Z ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B722260 tại thửa đất số 183, diện tích 1.430m^2, loại đất thổ quả, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp X 1, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long là đảm bảo theo quy định tại Quyết định số 201/CP ngày 1/7/1980 và Điều 13 Nghị định số 30-HĐBT ngày 23/3/1989 của Hội đồng bộ trưởng về việc thi hành Luật đất đai.

4. Về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Tại bản án số 19/2018/DS-ST ngày 19/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Z, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:* Áp dụng các điều 631, 634, 674, 675 của Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 76 Luật đất đai năm 1993; các điều 26,100,166 của Luật đất đai năm 2013; các điều 147, 157, 160, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 12,27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc B, về việc rút đơn yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Lê Văn D.

Không chấp nhận yêu cầu bổ sung của bà Lê Thị A về việc tranh chấp quyền sử dụng đất (tranh chấp ranh) và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông D do vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu.

Đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật nếu có yêu cầu.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị A, Lê Thị Ngọc B, về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật phần đất thuộc chiết thửa 313-1, diện tích 59,1m^2, loại đất trồng cây lâu năm thuộc bản đồ số 14, tọa lạc tại ấp Vĩnh Khánh I, xã Vĩnh Xuân, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long do ông Lê Văn D đang quản lý và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí khảo sát, đo đạc; về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 30 tháng 6 năm 2018, bị đơn Lê Thị A, Lê Thị Ngọc B kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất thuộc chiết thửa 313-1, diện tích 59,1m^2, loại đất trồng cây lâu năm thuộc bản đồ số 14, tọa lạc tại ấp Vĩnh Khánh I, xã Vĩnh Xuân, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long do ông Lê Văn D đang quản lý và sử dụng. Buộc ông D phải chịu án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu chia thừa kế thành 4 phần đối với phần đất thuộc chiết thửa 313-1, diện tích 59,1m^2, loại đất trồng cây lâu năm thuộc bản đồ số 14, tọa lạc tại ấp Vĩnh Khánh I, xã Vĩnh Xuân, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long do ông Lê Văn D đang quản lý và sử dụng.

Bị đơn Lê Văn D đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo các nguyên đơn, sửa án sơ thẩm. Buộc bị đơn ông D chia thừa kế phần diện tích tranh chấp 59,1 m^2 thuộc thửa 313 do ông D đứng tên, nhưng diện tích nhỏ nghĩ nên chia đều giá trị cho 04 phần thừa kế: Ông D, bà B, bà A, bà E với số tiền 15.000.000đồng. Đối với bà E không nhận mà giao cho bà B nên chia bà B nhận 02 phần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 30/6/2018 nguyên đơn Lê Thị A, Lê Thị Ngọc B kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định. Nên đơn kháng cáo của bị đơn được xem xét theo thủ tục phúc thẩm theo quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của yêu cầu chia thừa kế thành 4 phần đối với phần đất thuộc chiết thửa 313-1, diện tích 59,1m^2, loại đất trồng cây lâu năm thuộc bản đồ số 14, tọa lạc tại ấp Vĩnh Khánh I, xã Vĩnh Xuân, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long. Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận nguồn gốc phần đất tranh chấp là của bà Bùi Thị M tạo lập. Nguyên đơn thì cho rằng phần đất tranh chấp thuộc chiết thửa 313-1 diện tích 59,1m^2 trước đây là cái mương diện tích khoảng 60m^2 thuộc thửa 262 do bà M chết để lại. Đây là phần đất dư mà bà M chuyển nhượng cho ông N, bà T vào năm 1988 và được ông N, bà T trả lại theo biên bản làm việc năm 2003, ông D tự ý kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 313 và thửa 314 nhưng bà A là chủ giáp cận không ký tên.

Bị đơn cho rằng nguồn gốc phần đất tranh chấp diện tích 59,1m^2 thuộc thửa 183, diện tích 1.430m^2 được bà M cho vào năm 1977, đến năm 1993 ông D được cấp giấy. Nhưng năm 1988 bà M chuyển nhượng phần đất cho ông N nhưng vì đất ông giáp ranh đất với ông N nên khi bà M chuyển nhượng có lấn qua diện tích 59,1m^2. Sau đó ông D đứng đơn khởi kiện vào năm 2003, ông N bà T đã trả lại đất. Ông D cho rằng đây là đất của ông D được bà M cho chứ không phải là đất của bà M chết để lại chưa chia nên không đồng ý.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bên đều thừa nhận từ trước đến thời điểm chuyển nhượng đất cho ông N, bà T thì phần đất tranh chấp bà M không kê khai đăng ký mà do ông D kê khai đăng ký là phù hợp với hồ sơ lưu trữ qua các thời kỳ được xác nhận của cơ quan có thẩm quyền mà cấp sơ thẩm đã thu thập và ông D sử dụng liên tục, trồng cây trên đất. Qua đó, thể hiện ông D là người sử dụng đất hợp pháp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1993. Vì vậy phần đất tranh chấp không phải là di sản của bà M chết để lại nên các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế là không có căn cứ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị A, Lê Thị Ngọc B, về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật phần đất thuộc chiết thửa 313-1, diện tích 59,1 m^2, loại đất trồng cây lâu năm thuộc bản đồ số 14, tọa lạc ấp X 1, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long do ông Lê Văn D đang quản lý và đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có căn cứ. Do đó Hội đồng xét xử thống nhất không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do bà Lê Thị A và bà Lê Thị Ngọc B là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí phúc thẩm theo quy định tại điểm đ Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và A phí Tòa án.

[4] Các quyết định khác về đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc B về việc rút yêu cầu khởi kiện hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Lê Văn D; về việc không chấp nhận yêu cầu bổ sung của bà Lê Thị A về việc tranh chấp ranh đất với ông Lê Văn D và hủy giấy giấy chứng nhận của ông Lê Văn D; về chi phí khảo sát, đo đạc và định giá; về án phí sơ thẩm và về nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Lê Thị A, Lê Thị Ngọc B. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2018/DS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Z, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng các Điều 631, 634, 674,675 của Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 76 Luật đất đai năm 1993;Điều 26,100,166 Luật đất đai năm 2013; Điều 147,157,160,244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;điểm đ Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và A phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị A, Lê Thị Ngọc B, về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật phần đất thuộc chiết thửa 313-1, diện tích 59,1m^2, loại đất trồng cây lâu năm thuộc bản đồ số 14, tọa lạc tại ấp Vĩnh Khánh I, xã Vĩnh Xuân, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long do ông Lê Văn D đang quản lý và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Về án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải nộp án phí phúc thẩm.

3. Các quyết định khác về đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc B về việc rút yêu cầu khởi kiện hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Lê Văn D; về việc không chấp nhận yêu cầu bổ sung của bà Lê Thị A về việc tranh chấp ranh đất với ông Lê Văn D và hủy giấy giấy chứng nhận của ông Lê Văn D; về chi phí khảo sát, đo đạc và định giá; về án phí sơ thẩm và về nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- CA: 01;
- TACC: 01;
- VKSND TVL: 02;
- TAND H.TO: 01;
- Chi Cục THADS H.TO: 01;
- Đương sự: 8;
- Lưu: 06.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tư